

Số: /QĐ-CCKL

Bình Dương, ngày tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC KIỂM LÂM**

*Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-SNN ngày 03/3/2020 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Chi cục Kiểm lâm năm 2024 phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 08/QĐ-CCKL ngày 06/02/2024 của Chi cục Kiểm lâm.

**Điều 3.** Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Ban chỉ đạo ISO Chi cục, Trưởng Phòng QL BV&PTR, Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động và PCCCR chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT;
- Chi cục TCĐLCL;
- Lưu: VT, HCTH.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Ó**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM  
TỈNH BÌNH DƯƠNG ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN  
QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CCKL ngày tháng 4 năm 2024)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Ghi chú
1.	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	
2.	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	
3.	3.000160	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	
4.	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
5.	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	
6.	1.007918	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	
7.	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	
8.	1.007916	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	
9.	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	
10.	1.000084	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
11.	1.000081	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	
12.	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	
13.	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	
14.	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử	

		dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	
15.	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	
16.	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	
17.	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	
18.	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	

---

